

Bản án số 46/2019/DS-PT  
Ngày 20 - 8 - 2019  
“V/v Tranh chấp thanh toán  
hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn.  
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hải Minh  
Ông Nguyễn Hữu Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 69/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp thanh toán hợp đồng dịch vụ”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vạn Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Bản H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Vạn Văn Th, sinh năm 1972 và bà Hà Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: Bản T, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Vi Thị L1, sinh năm 1995; địa chỉ: Bản T, xã C, huyện Quỳnh C, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

\* Người kháng cáo: Bị đơn ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 12 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vạn Văn T trình bày: Ngày 18 tháng 02 năm 2017, ông Vạn Văn T và ông Vạn Văn Th cùng nhau làm hợp đồng xây tầng 02 nhà bếp cho gia đình ông Th tại bản T, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An với thời hạn 02 tháng kể từ ngày thi công. Đến ngày 01 tháng 3 năm 2017, ông T cùng

thợ đến tiến hành thi công thì phát hiện móng tầng 01 bị lệch nên không thể tiến hành xây dựng như nội dung trong hợp đồng. Vì vậy, giữa ông T và gia đình ông Th đã thỏa thuận đập bỏ tường bao tầng 01 và làm lại móng, xây dựng từ đầu. Quá trình xây dựng, gia đình ông Th yêu cầu làm thêm ngoài hợp đồng ốp gạch toàn bộ tầng 01 và tầng 02 chứ không lẫn sơn như thỏa thuận; vì vậy đã kéo dài thời gian thi công hơn dự tính. Ngày 13 tháng 5 năm 2017, khi ông T và thợ đến để thi công thì ông Th và gia đình không cho ông T làm tiếp nữa. Mặc dù sau đó ông T đã nhiều lần liên hệ nhưng ông Th và gia đình không cho ông T tiếp tục thi công hoàn thiện công trình. Quá trình thi công, ông T đã tạm ứng tiền công số tiền 23.000.000 đồng. Nay, ông T khởi kiện yêu cầu ông Th và bà L phải thanh toán tiền công còn thiếu và lãi suất khoản vay mà ông T phải đi vay để trả tiền công thợ, tổng cộng số tiền 74.032.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Th, bà L phải thanh toán tiền công còn thiếu sau khi đã trừ đi số tiền tạm ứng và chi phí phát sinh với số tiền là 39.098.000 đồng. Ông T yêu cầu ông Th, bà L phải chịu tiền lãi của khoản nợ này từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 5 năm 2019 với lãi suất 1,66%/tháng, số tiền 14.927.000 đồng. Tổng cộng, ông T yêu cầu buộc ông Th, bà L phải thanh toán số tiền là 54.025.000 đồng.

*Bị đơn ông Vi Văn Văn Thắng và bà Hà Thị L trình bày:* Ông Th, bà L thừa nhận vào ngày 18 tháng 02 năm 2017 có làm hợp đồng thuê ông T thi công ngôi nhà bếp 02 tầng trong thời gian 02 tháng kể từ ngày thi công. Tuy nhiên, quá trình thi công kéo dài đã gây khó khăn cho gia đình ông Th trong sinh hoạt và công việc hàng ngày. Vì vậy, ngày 13 tháng 5 năm 2017, gia đình ông Th đã không cho ông T tiếp tục thi công công trình và đã thuê người hoàn thiện ngôi nhà. Nay, ông T khởi kiện yêu cầu thanh toán với số tiền 74.032.000 đồng thì ông Th, bà L không đồng ý mà chỉ chấp nhận thanh toán số tiền 20.583.000 đồng sau khi trừ đi tiền công đã ứng, tiền chi phí thuê người và tiền phạt do thực hiện chậm hợp đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vi Thị L1 trình bày:* Vào thời gian tháng 02 năm 2017, giữa ông Vạn Văn T với bố mẹ chị L1 (ông Vạn Văn Th, bà Hà Thị L) có làm hợp đồng để xây dựng ngôi nhà bếp cho gia đình chị L1 với thời hạn 02 tháng. Quá trình thi công, do ông T cùng nhóm thợ làm việc không đều đặn về mặt thời gian nên dẫn đến kéo dài thời hạn thi công. Mặc dù chưa hoàn thiện công trình nhưng ông T đòi bố mẹ chị L1 thanh toán tiền công nên ông Th, bà L không đồng ý. Vì vậy, ông T cùng nhóm thợ đã ngừng thi công ngôi nhà bếp của gia đình chị L1. Bố mẹ chị L1 đã phải thuê thợ để hoàn thiện mặt trước ngôi nhà. Thời gian này mặc dù sinh sống cùng bố mẹ nhưng do công việc nên chị L1 không tham gia vào việc xây dựng và hoàn thiện ngôi nhà. Vì vậy, chị L1 không có yêu cầu gì.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 71, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 468, Điều 513, khoản 3 Điều 518, khoản 2 Điều 519, khoản 1 Điều 520 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vạn Văn T; buộc ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền công còn thiếu và lãi suất với tổng số tiền 41.030.804 đồng.

- Buộc ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L phải hoàn trả cho ông Vạn Văn T số tiền 6.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21 tháng 5 năm 2019, bị đơn ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L kháng cáo toàn bộ bản án; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các nội dung:

- Số tiền phải trả cho nguyên đơn quá cao so với thực tế, chỉ đồng ý trả số tiền là 23.705.828 đồng ứng với số tiền công thợ đã xây dựng đến thời điểm bỏ dỡ căn nhà;

- Trong bản án sơ thẩm không trừ số tiền gia đình phải thuê thợ khác hoàn thiện ngôi nhà cũng như tiền công gia đình tự hoàn thiện sau khi ông Vạn Văn T bỏ dỡ;

- Việc tính lãi suất do Tòa sơ thẩm tính và yêu cầu bị đơn phải chịu là không đúng quy định vì nguyên đơn chưa hoàn thành việc xây nhà cho bị đơn; không đồng ý với việc bị đơn phải chịu lãi suất như bản án sơ thẩm đã tuyên;

- Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên phạt nguyên đơn ông Vạn Văn T do việc làm sai hợp đồng và quá thời gian thỏa thuận, số tiền phạt yêu cầu là 6.000.000 đồng;

- Không đồng ý việc bị đơn phải chịu lệ phí án phí và thẩm định tại chỗ như bản án sơ thẩm đã tuyên (ông T đã làm sai hợp đồng và quá thời hạn thỏa thuận, bỏ dỡ căn nhà quá lâu khiến căn nhà xuống cấp).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Nguyên đơn ông Vạn Văn T không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Tuy nhiên, ông T không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi 6.577.000 đồng; các khoản tiền khác, ông T đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền tranh tụng của các đương sự được bảo đảm.

- Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng ký kết ngày 18 tháng 02 năm 2017 vô hiệu theo Điều 408 Bộ luật Dân sự năm 2015 là không chính xác; đối với khoản tiền lãi suất, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nên cần ghi nhận sự tự nguyện này; đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, cần buộc nguyên đơn phải chịu một phần đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận; đối với yêu cầu của bị đơn phạt nguyên đơn do làm sai hợp đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 418 Bộ luật Dân sự năm 2015, do các bên không có thỏa thuận khi ký hợp đồng nên không có căn cứ để xem xét. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành hai bản án có nội dung khác nhau nhưng không có công văn sửa chữa bổ sung; cụ thể: Bản án tổng đạt cho đương sự phần quyết định về án phí chỉ buộc ông Th phải chịu 2.051.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm (bút lục hồ số số 86) nhưng tại hồ sơ vụ án có một bản án khác buộc ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L phải chịu 2.051.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm (bút lục hồ số số 86) là vi phạm quy định của pháp luật. Về án phí, ông Vạn Văn T, ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 và có đề nghị nên thuộc trường hợp được miễn án phí. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L; căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vi Thị L1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; tuy nhiên, trong quá trình giải quyết sơ thẩm, chị L1 trình bày chị không tham gia vào việc xây dựng, hoàn thiện ngôi nhà và mọi việc đều do bố mẹ chị là ông Th, bà L thực hiện nên chị không liên quan đến vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L1 có đơn xin xét xử

vắng mặt (có xác nhận của ông Th, bà L). Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hỏi ý kiến của các đương sự về việc có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Xét nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Vạn Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L phải thanh toán tiền công xây dựng còn thiếu sau khi trừ đi số tiền tạm ứng và chi phí phát sinh là 39.098.000 đồng và tiền lãi từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 5 năm 2019 là 14.927.000 đồng; tổng cộng 54.025.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được; căn cứ các quy định pháp luật đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền 41.030.804 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L:

Trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nguyên đơn ông Vạn Văn T và bị đơn ông Vạn Văn Th, bà Hà Thị L đều thừa nhận giữa hai bên có ký hợp đồng thi công xây dựng ngôi nhà 02 tầng của ông Th, bà L tại bản T, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An, giá trị theo thỏa thuận là 1.200.000 đồng/m<sup>2</sup>. Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên có điều chỉnh một số nội dung thi công để phù hợp với hiện trạng. Ông T đã thi công một phần công trình thì tạm dừng và ông Th, bà L chưa thanh toán phần đã thi công cho ông T. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông Th, bà L phải thanh toán giá trị công trình đã thi công cho ông T.

Ông Th, bà L kháng cáo cho rằng số tiền phải trả cho nguyên đơn là quá cao, bản án sơ thẩm không trừ số tiền gia đình phải thuê thợ khác hoàn thiện ngôi nhà cũng như tiền công gia đình tự hoàn thiện sau khi ông T bỏ dở và chỉ đồng ý trả số tiền 23.705.828 đồng. Xét thấy, căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 22 tháng 02 năm 2019 thì tổng chi phí để xây dựng ngôi nhà như hiện trạng là 63.345.000 đồng và tổng chi phí các hạng mục mà ông Th, bà L đã thuê người làm sau khi ông T tạm ngừng thi công bao gồm 1.779.000 đồng chi phí hoàn thiện và 942.000 đồng chi phí lắp xà gỗ và lợp mái tôn. Quá trình thi công, ông T đã được ông Th, bà L tạm ứng số tiền 23.000.000 đồng và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, ông T thừa nhận có một số hạng mục ông T không thi công và cũng đồng ý trừ 50.000 đồng/m<sup>2</sup> tại một số hạng mục, tổng cộng có giá trị 1.670.390 đồng. Ngoài ra, do không thi công lát gạch nền tầng 01 nên ông T chấp nhận trừ đi số tiền công 1.500.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định số tiền chi phí thi công ông Th, bà L phải trả cho ông T là 63.345.000 đồng – 23.000.000 đồng – 1.779.000 đồng – 942.000 đồng – 1.670.390 đồng – 1.500.000 đồng = 34.453.610 đồng.

Ông Th, bà L kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ buộc bị đơn phải chịu tiền lãi suất là không đúng quy định. Xét thấy, số tiền này là số tiền lãi do ông Th, bà L chậm trả tiền chi phí trong thời hạn 23 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T chấp nhận không buộc bị đơn phải chịu khoản tiền lãi 6.577.194 đồng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông T.

Ông Th, bà L còn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông T phải chịu số tiền phạt 6.000.000 đồng do việc làm sai hợp đồng. Xét thấy, trong hợp đồng ký kết giữa hai bên không có điều khoản về việc phạt hợp đồng nên không có căn cứ để giải quyết yêu cầu này của bị đơn. Hơn nữa, quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Th, bà L không có yêu cầu gì về vấn đề này. Căn cứ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ giải quyết các yêu cầu trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn hoặc ý kiến, yêu cầu phản tố của bị đơn; ý kiến, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo yêu cầu của bị đơn trong đơn kháng cáo là vượt quá phạm vi yêu cầu theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, do yêu cầu khởi kiện của ông T chỉ được chấp nhận một phần nên cần chấp nhận kháng cáo của ông Th, bà L, buộc mỗi bên chịu một nửa chi phí.

Từ những cơ sở và lập luận nêu trên, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về số tiền ông Th, bà L phải thanh toán cho ông T và nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[5] Về án phí: Do ông Vạn Văn T, ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn án phí. Do đó, cần trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm ông T, ông Th và bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

[6] Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm do có sai sót giữa bản án phát hành và bản án lưu hồ sơ, xét thấy, vi phạm này Tòa án cấp phúc thẩm có thể khắc phục được do các đương sự trong vụ án đều thuộc trường hợp được miễn án phí. Mặt khác, nếu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án sẽ làm kéo dài thời gian, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự trong khi bản chất vụ án không thay đổi. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự,**

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 71; khoản 2 Điều 468, Điều 513, khoản 3 Điều 518, khoản 2 Điều 519, khoản 1 Điều 520 Bộ luật Dân sự; xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vạn Văn T; buộc ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền công xây dựng còn thiếu là 34.453.610 đồng (Ba mươi tư triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm mười đồng).

- Buộc ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L phải hoàn trả cho ông Vạn Văn T số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông Vạn Văn T phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (đã thanh toán xong).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**2. Về án phí:** Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Vạn Văn T, ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L; trả lại cho ông Vạn Văn T 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000824 ngày 06 tháng 12 năm 2018.

- Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí Dân sự phúc thẩm cho ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L; trả lại cho ông Vạn Văn Th và bà Hà Thị L 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000858 ngày 21 tháng 5 năm 2019.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Quỳnh Châu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đăng Phồn**

